

PHÁT BIỂU CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐỜI THỨ 14, TENZIN GYATSO, VỀ VẤN ĐỀ TÁI SANH CỦA NGÀI



<http://dalailama.com/messages/tibet/reincarnation-statement>

Ngày 24 tháng 9 năm 2011

Giới Thiệu

Những người dân Tây Tạng thân mến của tôi, ở cả trong lẫn ngoài đất nước Tây Tạng, cùng tất cả những ai đang tu tập theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng và những ai đang có những nối kết với Tây Tạng và người Tây Tạng: do bởi sự nhìn xa thấy rộng của những vị quân vương thời cổ, cùng các vị thừa tướng và các vị học giả cao thâm mà toàn bộ giáo lý của đức Phật, gồm có những giáo lý kinh điển, kinh nghiệm tu tập của cả Ba Thừa và Bốn Cấp Độ Mật Điển, cùng với những đề tài và các môn học liên hệ khác, đã được thăng hoa, phát triển một cách rộng rãi trên Xứ Tuyết. Đối với cả thế giới, Tây Tạng đã trở thành suối nguồn của truyền thống Phật giáo cũng như của các truyền thống văn hoá liên quan đến Phật giáo. Đặc biệt, Tây Tạng đã cống hiến một cách đáng kể cho hạnh phúc của vô lượng người dân đang sống tại châu Á, kể cả những ai đang ở tại Trung Hoa, Tây Tạng và Mông Cổ.

Trong một chuỗi dài của việc duy trì truyền thống Phật giáo tại Tây Tạng, chúng tôi đã nuôi dưỡng một truyền thống Tây Tạng đặc thù, [đó là] công nhận sự tái sinh của các vị học giả cao thâm, là những người đã đóng góp một cách to lớn cho Giáo pháp và cho chúng sinh, đặc biệt hơn nữa là cho cộng đồng tu sĩ.

Kể từ khi đấng toàn giác Gedun Gyatso đã được nhận diện và tuyên nhận là hoá thân của ngài Gedun Drub vào thế kỷ thứ mười lăm, và từ khi Gaden Phodran Labrang tức là hệ thống tái sinh của đức Đạt Lai Lạt Ma được

thiết lập, thì những vị hoá thân kế tiếp [của đức Đạt Lai Lạt Ma] cũng đã được tuyên nhận. Vị hoá thân thứ Ba trong truyền thống ấy, ngài Sonam Gyatso, đã được ban cho pháp hiệu Đạt Lai Lạt Ma. Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Năm, ngài Ngawang Lobsang Gyatso, đã thành lập Chính Quyền Gaden Phodrang vào năm 1642, trở thành vị lãnh đạo tâm linh lẫn chính trị của Tây Tạng. Đã trải qua hơn 600 năm từ ngài Gedun Drub trở đi cho đến nay, một chuỗi dài bao gồm các vị hoá thân thuộc dòng truyền thừa của Đạt Lai Lạt Ma đã được công nhận một cách hoàn toàn đúng đắn, không hề sai trật.

Các vị Đạt Lai Lạt Ma [trong quá khứ] đã nhận lãnh trách nhiệm như là những vị lãnh đạo chính trị và tâm linh của Tây Tạng trong suốt 369 năm từ năm 1642 cho đến nay. Giờ đây, bản thân tôi [Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14, Tenzin Gyatso] đã tình nguyện chấm dứt [việc nhận lãnh trách nhiệm] như trên. Tôi hãnh diện và hài lòng là giờ đây chúng tôi có thể noi theo một hệ thống chính quyền dân chủ là một hệ thống đang nở rộ ở khắp nơi trên thế giới. Thật ra, ngay từ năm 1969 xa xưa trở đi, tôi cũng đã từng nói một cách hết sức minh bạch rằng những ai có mối liên hệ [với đức Đạt Lai Lạt Ma và Tây Tạng], họ cần phải quyết định xem là các vị tái sinh của Đạt Lai Lạt Ma có nên tiếp tục trong tương lai hay không. Tuy thế, trong khi thiếu vắng những tôn chỉ rõ ràng, giả sử nếu cộng đồng những người liên hệ bày tỏ một ước nguyện mạnh mẽ mong muốn các vị tái sinh của Đạt Lai Lạt Ma tiếp tục hiện hữu, thì có thể có một nguy cơ rõ rệt là sẽ có những thế lực chính trị có chủ ý sẽ lợi dụng hệ thống tuyên nhận hoá thân này để hoàn thành những chương trình [tham vọng] chính trị riêng tư. Do đó, trong khi tôi vẫn còn đầy đủ sức khoẻ và tinh thần minh mẫn, tôi nghĩ rằng có lẽ điều quan trọng đối với tôi là chúng ta cần phải thiết lập những tôn chỉ rõ ràng để tuyên nhận vị Đạt Lai Lạt Ma kế nhiệm, không để bất kỳ khe hở nào cho sự hoài nghi hay gian trá. Để có thể hiểu được những tôn chỉ này một cách trọn vẹn, điều thiết yếu là phải thấu hiểu về hệ thống tuyên nhận Tulku (hoá thân) và về những khái niệm căn bản đằng sau hệ thống ấy. Bởi thế cho nên, tôi sẽ vẫn tắt giải thích như sau.

Kiếp quá khứ và kiếp tương lai (kiếp trước kiếp sau)

Để có thể chấp nhận được thuyết tái sinh hay về thực tại của các vị Tulku (tức các vị hóa thân), chúng ta cần phải chấp nhận sự hiện hữu của đời trước và đời sau, của các kiếp quá khứ và kiếp vị lai. Chúng sinh hiện hữu trong cuộc đời hiện tại khởi đi từ những đời kiếp trước và chúng sinh đầu thai trở lại sau khi chết. Sự đầu thai trở lại một cách liên tục này được công nhận bởi tất cả các truyền thống tâm linh Ấn Độ cổ cũng như được công nhận bởi tất cả các trường phái triết học, ngoại trừ phái Charvakas [cũng thuộc Ấn Độ cổ], là một phong trào duy vật. Có một số các triết gia hiện đại chối bỏ kiếp trước kiếp sau dựa trên tiền đề cho là chúng ta không thể nhìn thấy được điều đó. Có những người khác thì lại không vẽ ra những kết luận quá rõ rệt dựa trên cơ sở này [của việc không “nhìn thấy” được là có kiếp trước kiếp sau].

Cho dù có rất nhiều truyền thống tôn giáo công nhận việc đầu thai trở lại thì các truyền thống này lại có những cái nhìn khác nhau, chẳng hạn như là các quan điểm khác nhau về cái gì là cái đầu thai trở lại, đầu thai trở lại như thế nào, và sự việc xảy ra như thế nào khi đi qua giai đoạn chuyển tiếp giữa hai kiếp sống. Có một số truyền thống tôn giáo chấp nhận viễn ảnh của kiếp tương lai, nhưng lại chối bỏ khái niệm về những đời quá khứ.

Nói chung, người Phật tử tin tưởng rằng không có khởi đầu của sự chào đời và họ tin rằng một khi chúng ta đạt được giải thoát khỏi vòng xoay luân hồi, bằng cách khắc phục được nghiệp báo và các tâm thức tiêu cực, thì

chúng ta sẽ không phải bị đầu thai trở lại dưới sự lôi kéo của những điều kiện nghiệp duyên đó nữa. Do đó, người Phật tử tin rằng có thể chấm dứt việc đầu thai như là kết quả của nghiệp báo và các tâm thức tiêu cực, nhưng đa số các trường phái triết học Phật giáo đều không chấp nhận rằng có sự chấm dứt của dòng tâm thức. Việc chối bỏ quá khứ và chối bỏ sự đầu thai trong tương lai sẽ tương phản với các khái niệm Phật giáo liên quan đến [các giáo lý thuộc về] nền tảng, đạo và quả, và những điều này cần phải được giải thích dựa trên một cái tâm thuần thực [được chế ngự] hoặc một cái tâm bất thuần thực [không được chế ngự].

Đối với những ai có thể nhớ lại được tiền kiếp thì việc đầu thai trở lại là một kinh nghiệm rất rõ ràng. Tuy nhiên, đa số những người tầm thường đều quên đi tiền kiếp của họ khi họ phải trải qua quá trình của cái chết, của giai đoạn giao chuyển (thân trung ấm) và của việc đầu thai. Đối với những người này thì đời quá khứ và đời tương lai có chút mù mờ, nên chúng ta phải dùng luận lý dựa trên chứng cứ rõ rệt để chứng minh cho họ về kiếp trước kiếp sau. |

Có rất nhiều những lý giải tranh luận khác nhau được đưa ra dựa trên lời Phật dạy, cũng như dựa trên những luận giải tiếp nối sau ngài, để chứng minh về sự hiện hữu của kiếp trước kiếp sau. Một cách vắn tắt, những lý giải ấy đưa đến 4 điểm như sau: lý luận cho rằng mọi vật được sinh ra bởi một vật tương tự như nó trước đó, lý luận cho rằng mọi vật được sinh ra bởi một nguyên nhân nguồn gốc chắc thực trước đó, lý luận cho rằng tâm thức đã làm quen [huân tập] với những gì trong quá khứ, và lý luận cho rằng những gì trải qua trong quá khứ là những kinh nghiệm đạt được.

Một cách rất ráo, tất cả những lý giải tranh luận trên đây đều dựa trên khái niệm cho rằng bản tánh của tâm, cùng tánh thông suốt và tánh tỉnh giác [của tâm ấy], bắt buộc phải dựa trên sự sáng tỏ thông suốt và sự tỉnh giác như là các nguyên nhân chắc thực. Không thể nào có một thực thể nào khác, chẳng hạn như là một vật thể vô tri vô giác nào đó, [lại có thể trở thành] nguyên nhân nguồn gốc chắc thực [đưa đến sự hiện hữu] của bản tâm. Điều này tự nó có thể chứng minh được. Qua sự phân tích dựa trên luận lý, chúng ta có thể đi đến kết luận rằng một dòng chảy mới mẻ của sự thông suốt và sự tỉnh giác [của bản tâm] sẽ không thể nào hiện hữu nếu không có được những nguyên nhân chắc thực, hoặc không thể nào hiện hữu với những nguyên nhân không liên can. Trong khi chúng ta quan sát để thấy được rằng tâm thức không thể nào được sản xuất ra từ một viên bào chế, thì chúng ta cũng có thể đi đến kết luận rằng chẳng gì có thể diệt trừ được sự tương tục của tánh thông suốt và tánh tỉnh giác vi tế [của bản tâm].

Theo cái hiểu biết trước giờ của tôi, không có một nhà tâm lý học, vật lý học hay thần kinh học hiện đại nào lại có thể quan sát và đoán trước rằng tâm là sản phẩm đến từ một chất đặc nào đó, hoặc tâm là một sản phẩm không đến từ một nguyên nhân nguồn gốc nào cả.

Có những người có thể nhớ lại được ngay cái kiếp mà họ vừa trải qua, kể cả nhiều đời kiếp trước nữa, và cũng có những người có thể nhận biết ra được những nơi chốn và bà con họ hàng từ những đời kiếp đó. Đây không phải là việc chỉ xảy ra trong quá khứ. Ngay cả ngày nay cũng có rất nhiều người ở phương Đông và phương Tây có thể nhớ lại được những tình huống và kinh nghiệm từ những đời quá khứ. Nếu chối bỏ điều này trong khi làm khảo cứu thì đó không phải là một cách thức trung thực và sẽ phiến diện vô cùng, bởi vì điều ấy đi ngược lại với bằng chứng ở trên. Hệ thống Tây Tạng chứng nhận các vị hoá thân là một phương thức điều tra nghiên cứu trung thực dựa trên sự hồi nhớ về những đời kiếp trước của các cá nhân ấy.

Đầu thai như thế nào

Có thể có hai cách thức mà một người nào đó có thể đầu thai trở lại sau khi lìa đời: đầu thai trở lại do sự lôi kéo của nghiệp và các tâm thức tiêu cực nguy hại, và đầu thai trở lại nương vào sức mạnh của lòng từ bi và sự cầu nguyện. Đối với lại cách thứ nhất, bởi vì do vô minh mà các nghiệp lành và nghiệp ác được tạo ra và những dấu ấn của các nghiệp này tồn đọng lại trong tâm thức. Những dấu ấn ấy được kích hoạt trở lại qua sự tham luyến và bám chấp, đưa dẫn chúng ta đầu thai trở lại trong kiếp kế tới. Sau đó, chúng ta không tự nguyện mà vẫn cứ bị đầu thai trở lại trong các cõi cao hơn hoặc thấp hơn. Đây là cái cách mà các chúng sinh bình thường cứ liên tục, không đứt đoạn, quày tới quày lui trong vòng hiện hữu của luân hồi, y hệt như là một bánh xe quay. Nhưng ngay cả trong những hoàn cảnh như thế thì chúng sinh tầm thường với một tâm nguyện tốt lành cũng có thể nỗ lực tinh tấn tham gia vào các thiện hạnh trong đời sống hằng ngày. Họ huân tập bản thân trong các thiện hạnh để khi chết đi thì [những dấu ấn của] các thiện hạnh này lại được kích hoạt trở lại, trở thành những phương tiện giúp họ tái sinh vào những cõi cao hơn. Ngược lại, những vị Bồ tát tối thắng, là những người đã đạt đến con đường của cái thấy (kiến đạo), các vị ấy không đầu thai trở lại do bởi nghiệp lực hay các xúc cảm ô trược nguy hại lôi kéo, mà do bởi sức mạnh của lòng từ bi của các ngài dành cho chúng sinh và dựa trên những lời cầu nguyện muốn đem lại lợi lạc cho kẻ khác. Các vị ấy có thể lựa chọn nơi chốn và ngày giờ chào đời, cũng như lựa chọn cha mẹ tương lai. Một sự đầu thai như thế, duy nhất bởi vì lợi lạc cho các chúng sinh khác, chính là sự đầu thai xuyên qua sức mạnh của lòng từ bi và sự cầu nguyện.

Ý nghĩa của Tulku (hoá thân)

Có vẻ như là phong tục Tây Tạng về việc sử dụng danh hiệu 'Tulku' (Thị Hiện Thân của Phật) dành cho những vị hoá thân đã khởi sự bắt đầu từ khi những người mộ đạo sử dụng từ Tulku đó như là một tước hiệu danh dự. Nhưng mà từ đó trở đi thì cách gọi này trở thành là một biểu lộ thông thường. Nói chung, từ Tulku ám chỉ một khía cạnh đặc biệt của đức Phật, là một trong ba hay bốn khía cạnh [phẩm tánh] đã được mô tả trong Kinh thừa. Dựa trên những giải thích về các phẩm tánh này của đức Phật, một người hoàn toàn thoát khỏi, không bị trói buộc bởi những tâm thức ô nhiễm nguy hại và không bị trói buộc bởi nghiệp, người ấy có khả năng đạt được Pháp Thân (Chân Thân) (Truth Body - Dharmakaya), và Pháp Thân ấy bao gồm Trí Pháp Thân (Wisdom Truth Body) và Thể Tánh Pháp Thân (Nature Truth Body). Trí Pháp Thân chỉ đến tâm giác ngộ của một vị Phật; tâm ấy, trong một khoảnh khắc có thể nhìn thấy trực tiếp mọi thứ, một cách đích xác như chúng thật là. Tâm ấy hoàn toàn tịnh hoá khỏi các xúc cảm nguy hại, kể cả hoàn toàn tịnh hoá khỏi các dấu ấn của các tâm thức tiêu cực ấy, xuyên qua việc tích lũy công đức và trí tuệ qua một thời gian dài. Sau đó, đến Thể Tánh Pháp Thân, là đang chỉ đến tánh không của chính tâm toàn tri toàn giác ấy. Đây là hai đặc tánh của chư Phật dành cho chính các ngài. Nhưng mà bởi vì các phẩm tánh ấy không thể được trực tiếp tiếp cận bởi những người khác, chỉ có thể xuyên suốt được giữa các vị Phật với nhau, cho nên bắt buộc chư Phật phải hoá hiện trong hình tướng phàm để chúng sinh có thể tiếp cận và như vậy thì mới có thể giúp đỡ được chúng sinh. Vì vậy, khía cạnh sắc tướng cao nhất của một vị Phật chính là Thọ Dụng Thân (Báo Thân hay Báo Thân) (Body of Complete Enjoyment – Sambhogakaya), có thể được tiếp cận bởi chư Bồ Tát cao tột, và Thọ Dụng Thân thì có năm phẩm

tánh, mà một trong năm phẩm tánh đó là an trú tại cung trời Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanishta). Rồi từ Thọ Dụng Thân ấy lại hoá hiện ra vô lượng vô số Thị Hiện Thân của chư Phật (Hiện Thân) hoặc Tulku (Nirmanakaya – Hoá Thân). Các vị hiện ra như là chư Thiên hoặc loài người và có thể được tiếp cận bởi các chúng sinh bình thường. Hai đặc tánh mang hình tướng này của Phật được gọi là Sắc Thân (Form Bodies), có nghĩa là với dành cho những kẻ khác.

Thị Hiện Thân (Emanation Body) gồm có ba phân loại: a) Hiện Thân Tối Thượng (Supreme Emanation Body) giống như là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là đức Phật lịch sử, đã hoá hiện mười hai công hạnh của một vị Phật, chẳng hạn như là đánh sanh vào nơi chốn mà ngài đã lựa chọn, vân vân; b) Hiện Thân Mỹ Thuật (Artistic Emanation Body) để phụng sự người khác bằng cách thị hiện như là những nghệ nhân, nghệ sĩ, vân vân; c). Hoá Hiện Thân (Hoá Thân) (Incarnate Emanation Body) mà qua đó chư Phật hiện ra trong vô số hình tướng khác nhau như là con người, Hộ Phật, con sông, chiếc cầu, dược thảo và cây cối để giúp đỡ chúng sinh. Trong số ba loại Thị Hiện Thân này, sự tái sanh của các vị đạo sư tâm linh được công nhận và biết đến như là các vị Tulku tại Tây Tạng nằm trong loại Thị Hiện Thân thứ ba. Trong số các vị Tulku này, có thể có nhiều vị là những Hoá Thân đầy đủ phẩm tánh thực sự của chư Phật, nhưng điều này cũng không nhất thiết là áp dụng được cho tất cả các vị Tulku. Trong số các vị Tulku của Tây Tạng, có nhiều vị là tái sanh của các vị đại Bồ Tát tối cao, của các vị Bồ Tát trên con đường tích lũy (tư lương đạo) và con đường chuẩn bị (gia hạnh đạo), cũng như là tái sanh của những vị đạo sư, là những vị tuy qua minh chứng chưa thực sự bước vào đến con đường tư lương đạo và gia hạnh đạo ấy của chư Bồ Tát. Do đó, danh hiệu Tulku được dành cho các vị Lama tái sanh được đặt trên cơ sở rằng các ngài [không khác nào] giống như là các vị giác ngộ, hoặc do bởi các ngài có sự kết nối với một số các phẩm hạnh nào đó của chư vị giác ngộ.

Như đức Jamyang Khyentse Wangpo đã có nói:

“Tái sanh là chuyện xảy ra khi một người nào đó đầu thai trở lại sau khi vị tiền nhiệm qua đời; hiện thân là khi một sự hoá hiện xảy đến mà không cần có sự qua đời của vị [hoá thân] gốc.”

Tuyên nhận các hoá thân

Viện tuyên nhận ai là ai qua, việc nhận diện đời trước của một người nào đó, việc ấy xảy ra ngay cả khi chính đức Phật Thích Ca còn tại thế. Có rất nhiều câu chuyện đã được tìm thấy trong Phẩm thứ tư - Agama (Ngũ Bộ Kinh) của Luật Tạng, trong Truyện Tiền Thân Phật, trong Kinh Hiền Ngu, Kinh Bách Nghiệp và vân vân. Trong đó, Như Lai đã khai mở về luật vận hành của nhân quả, kể lại vô lượng vô số câu chuyện về những ảnh hưởng nghiệp báo của đời trước được một người nào đó trải nghiệm trong đời này ra sao. Thêm vào đó, trong chuyện cuộc đời của những vị đạo sư Ấn Độ là những người đã sống sau thời đại đức Phật, cũng khai mở cho ta thấy về những nơi chốn chào đời trong những kiếp quá khứ của các vị ấy. Có rất nhiều những câu chuyện như thế, nhưng hệ thống công nhận và thứ tự hoá các vị tái sanh đã không xảy ra tại xứ Ấn.

Những hệ thống tuyên nhận các vị tái sinh tại Tây Tạng

Trước khi đạo Phật đến Tây Tạng thì kiếp trước kiếp sau cũng đã được công nhận trong truyền thống bản xứ thuộc đạo Bon của Tây Tạng. Và từ khi Phật giáo được truyền bá tại Tây Tạng thì gần như tất cả mọi người dân Tây Tạng đều tin vào kiếp trước kiếp sau. Việc đi điều tra, tìm kiếm tái sinh của rất nhiều vị đạo sư tâm linh, là những người duy trì Phật pháp, cũng như phong tục cầu nguyện các vị ấy một cách vô cùng thành tín, tất cả đã trở thành những điều được thực hành rộng rãi ở khắp nơi trên xứ Tây Tạng. Có rất nhiều những kinh văn chính thống, các văn liệu bản xứ của Tây Tạng, chẳng hạn như Mani Kabum hoặc Giáo Lý Năm Nhánh Kathang cùng những tài liệu tương tự như Tập Luận của Các Đệ Tử Kadam hoặc Chuỗi Châu Bảo: Giải Đáp Các Thắc Mắc, là những tài liệu được kể lại bởi vị đạo sư Ấn Độ vô song, ngài Dipankara Atisha của thế kỷ thứ mười một tại Tây Tạng, trong đó có kể lại về những câu chuyện của các tái sinh của Thánh giả Quán Thế Âm, Bồ Tát của Đại Từ Bi. Tuy thế, truyền thống chính thức tuyên nhận các vị tái sinh của các đạo sư như truyền thống tái sinh ngày nay đã khởi sự bắt đầu vào đầu thế kỷ thứ mười ba qua sự việc ngài Karmapa Pagshi đã được chính các đệ tử của ngài tuyên nhận ngài là tái sinh của [vị tiền nhiệm] Karmapa Dusum Khyenpa, dựa trên chính những chỉ dẫn được để lại cho đệ tử bởi vị tiền nhiệm ấy. Từ đó trở đi, đã có mười bảy hoá thân Karmapa trong hơn chín trăm năm nay. Cũng giống như thế, bắt đầu từ việc tuyên nhận ngài Kunga Sangmo là tái sinh của ngài Khandro Choekyi Dronme của thế kỷ thứ mười lăm cho đến nay thì đã có mười vị tái sinh của Samding Dorje Phagmo. Cho nên, trong số các Tulku được tuyên nhận tại Tây Tạng, có những vị là tu sĩ và những vị là hành giả Mật thừa, cả nam lẫn nữ. Hệ thống tuyên nhận các vị tái sinh dần dần lan truyền đến các truyền thống Phật Giáo Tây Tạng khác, kể cả đạo Bon, ở Tây Tạng. Ngày nay, có những vị Tulku được tuyên nhận trong khắp bốn truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, Sakya, Geluk, Kagyu và Nyingma, cùng với Jonang và Bodong, là những vị hiến mình cho Giáo pháp. Nhưng cũng có những trường hợp cho thấy là trong số các vị Tulku ấy, có những vị đáng phải hổ thẹn.

Đấng toàn giác Gedun Drub, một đệ tử tâm truyền của ngài Je Tsongkhapa, đã khai lập tu viện Tashi Lhunpo tại vùng Tsang và đã chăm lo cho các đệ tử của ngài. Đại sư Gedun Drub thị tịch vào năm 1474 vào tuổi 84. Cho dù lúc đầu, chẳng có nỗ lực nào để nhận diện lại tái sinh của ngài, nhưng cuối cùng người ta bị buộc phải tuyên nhận đứa trẻ tên Sangye Chophel, ra đời vào năm 1476 tại Tanak ở vùng Tsang, bởi vì những gì đứa trẻ đó nói ra cho thấy nó có một trí nhớ cực kỳ tuyệt vời và không chút gì sai trật về cuộc đời trong quá khứ. Từ đó trở đi, một truyền thống tái sinh đã khởi sự bắt đầu, chuyên đi tìm kiếm và tuyên nhận lại những vị tái sinh kế tiếp của các vị Đạt Lai Lạt Ma do Gaden Phodran Labrang, và sau đó, do Chính Quyền Gaden Phodran, điều hành.

Cách thức tuyên nhận các vị tái sinh

Sau khi hệ thống tuyên nhận các vị Tulku bắt đầu hiện diện [tại Tây Tạng], có nhiều cách thức khác nhau đã được khởi sự và phát triển. Trong số những phương cách khác nhau này thì phương cách quan trọng nhất liên quan đến lá thư tiên đoán của vị tiền nhiệm cùng với những hướng dẫn và những dấu hiệu khác nhau có thể xảy đến; hoặc qua cách vị tái sinh nhớ lại và kể lại một cách đáng tin cậy về chuyện đời trước; hoặc qua cách vị ấy nhận diện ra được những vật dụng thuộc về vị tiền nhiệm hoặc nhận diện ra được những người thân cận

trong đời trước. Ngoài những phương thức ấy ra, còn có thêm những phương thức bổ túc khác, chẳng hạn như là thỉnh xin các tiên đoán của những vị đạo sư tâm linh đáng tin cậy, cũng như hỏi xin tiên đoán của những vị thầy tiên tri thế tục (oracle) trong khi các vị này đang ở trong trạng thái xuất thần, hoặc quan sát các linh ảnh hiện tra trong những hồ nước thiêng của những vị hộ pháp như là Hồ Lhamoi Latso, là hồ nước linh thiêng ở về phía nam Lhasa.

Khi xảy ra sự việc có nhiều hơn là một người ứng tuyển tương lai có thể được tuyên nhận là một vị Tulku, và quyết định lựa chọn tối hậu trở thành việc quá khó khăn, thì có một phương pháp tiên đoán nữa được đem ra sử dụng, đó là việc dùng những viên bột (zen tak) ngay trước một linh ảnh trong khi khẩn thiết thỉnh nguyện năng lực của chân lý nhiệm mầu.

Hiện thân trước khi vị tiền nhiệm qua đời (*ma-dhey tulku*)

Thông thường, một vị tái sinh phải là một người đầu thai trở lại làm một con người khác, sau khi vị tiền nhiệm qua đời. Thông thường, các chúng sinh bình thường không thể hoá thành ra một hiện thân khác trước khi họ chết (*ma-dhey tulku*), nhưng chư vị đại Bồ Tát tối cao, là những người có thể đồng lúc hoá hiện trong trăm ngàn hình tướng khác nhau, các vị ấy có thể hoá hiện ra một hiện thân ngay cả trước khi các vị ấy lìa đời. Trong truyền thống tuyên nhận Tulku của Tây Tạng, có những hiện thân thuộc vào cùng một dòng tâm thức với vị tiền nhiệm, có những hiện thân có sự liên hệ với nhau qua năng lực của nghiệp duyên và sự cầu nguyện, và có những hiện thân đã hoá hiện như là kết quả của sự gia trì và phó thác.

Mục đích chính yếu của sự hoá hiện của một vị tái sinh là để tiếp tục công việc chưa hoàn tất của vị tiền nhiệm để hộ trì Giáo pháp và [hoá độ] chúng sinh. Trong trường hợp của một vị Lama như một người bình thường, thay vì có một vị tái sinh thuộc vào cùng trong một dòng tâm thức, thì một người nào đó với những liên hệ kết nối [tâm linh] với vị Lama ấy, xuyên qua phước duyên thanh tịnh và [năng lực] cầu nguyện, thì người đó cũng có thể được công nhận là hiện thân của vị Lama. Một cách khác hơn nữa, cũng có thể là vị Lama sẽ bổ nhiệm một người kế thừa, và người kế thừa, có thể là một đệ tử hoặc một người nào đó trẻ tuổi hơn, sẽ được tuyên nhận là hiện thân của vị Lama kia. Bởi vì những sự lựa chọn như vậy cũng có thể xảy ra trong trường hợp của một chúng sinh bình thường, nên trường hợp có một vị hiện thân không thuộc vào cùng một dòng tâm thức cũng có thể xảy ra trước khi [vị tiền nhiệm] lìa đời. Trong một số trường hợp, một vị đại cao tăng Lama cũng có thể có một vài tái sinh khác nhau đồng một lúc, chẳng hạn như hiện thân của thân, hiện thân của khẩu và hiện thân của ý, vân vân. Trong thời hiện đại, có những trường hợp nhiều người biết đến, ấy là có những vị hiện thân đã hoá hiện trước khi [vị tiền nhiệm] lìa đời, chẳng hạn như là trong trường hợp của ngài Dudjon Jigdral Yeshe Dorje và ngài Chogye Trichen Ngawang Khyenrab.

Sử dụng chiếc Lư Vàng

Bởi vì thời mạt pháp này ngày càng tệ mạt, và bởi vì các tái sinh của những vị Lama cao trọng được tuyên nhận

ngày càng nhiều, lại có một số vị được tuyên nhận bởi các động lực chính trị, nên con số những vị tái sinh được công nhận qua các phương pháp không đúng đắn và đáng hồ nghi ngày càng cao, và kết quả của sự việc này là gây ra một tai hại hết sức to lớn cho Đạo pháp.

Trong giai đoạn xung đột giữa Tây Tạng và Gurkha (1791-93), chính phủ Tây Tạng đã phải cầu cứu sự hỗ trợ của quân đội Mãn châu (Manchu). Kết cuộc là quân đội Gurkha đã bị đánh đuổi khỏi lãnh thổ Tây Tạng, và sau đó, chính quyền Mãn châu đã soạn ra một bản kiến nghị 29 điểm dựa trên cái cớ là giúp cho cơ quan điều hành của Chính Phủ Tây Tạng thêm phần hiệu quả. Kiến nghị này gồm có những đề nghị về việc có thể bắt thăm từ một chiếc Lư Vàng [chiếc bình làm bằng vàng] để quyết định về việc công nhận tái sinh của các vị Đạt Lai Lạt Ma, của các vị Ban Thiền Lạt Ma (Panchen Lama) cũng như của các vị Hutuktu - một tước hiệu Mông Cổ dành cho những vị Lama cao trọng. Do đó, phương thức bắt thăm này đã được noi theo trong một vài trường hợp tuyên nhận hóa thân của Đạt Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma hoặc một vài vị Lama cao trọng khác. Nghi thức cần phải noi theo đã được viết xuống bởi đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Tám, ngài Jamphel Gyatso. Cho dù sau khi một hệ thống như vậy đã được giới thiệu trước đây, nhưng trong trường hợp của Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Chín, thứ Mười Ba và trong trường hợp bản thân tôi, Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Bốn, thì phương thức bắt thăm từ chiếc Lư Vàng đã được bãi bỏ.

Ngay cả trong trường hợp của Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười, vị hoá thân đích thực đã được tìm thấy và trên thực tế thì cái phương thức trên không hề được tuân theo, nhưng để làm vui lòng người Mãn châu, đã có một công bố ra đời, đơn giản báo cho họ biết rằng nghi thức đó đã được sử dụng.

Hệ thống chiếc Lư Vàng thật ra chỉ được sử dụng trong hai trường hợp duy nhất là Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Một và đời thứ Mười Hai. Tuy nhiên, Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Hai đã được tuyên nhận trước khi cái phương thức chiếc Lư Vàng được áp dụng. Và vì vậy cho nên, chỉ có duy nhất một trường hợp Đạt Lai Lạt Ma được lựa chọn dựa vào chiếc Lư Vàng. Cũng như thế, trong số các hoá thân của Ban Thiền Lạt Ma, ngoại trừ đời thứ Tám và đời thứ Chín, không có một trường hợp nào khác mà phương cách này được sử dụng. Hệ thống bắt thăm này đã được áp đặt bởi chính quyền Mãn châu, nhưng người Tây Tạng không có chút niềm tin nào vào điều này bởi vì việc này thật sự chẳng mang một tính cách tâm linh nào cả. Dù là như thế, nếu phương cách này được sử dụng một cách chân thành, thì cũng chúng ta cũng có thể xem đó tương tự giống như cách thức tiên đoán dựa trên việc sử dụng các viên bột (zen tak).

Vào năm 1880, trong thời điểm tuyên nhận Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Ba là hoá thân của đời thứ Mười Hai, ta thấy vẫn còn hiện hữu những dấu vết của sự liên hệ Đạo Sư và Bảo Hộ giữa Tây Tạng và Mãn châu. Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Ba đã được tuyên nhận là vị hoá thân đích thực không hề sai trật từ đức Ban Thiền Lạt Ma đời thứ Tám, từ những tiên đoán của các vị thầy tiên tri (oracle) thuộc [hai tu viện] Nechung và Samye, cùng với việc quan sát những linh ảnh hiện ra trong Hồ Lhamoi Latso, và do đó, nghi thức chiếc Lư Vàng đã không được noi theo. Ta có thể hiểu về điều này rất rõ ràng xuyên lá chúc thư cuối cùng của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Ba, viết vào năm Con Khỉ Nước (1933), trong đó ngài có nói rằng:

“Như tất cả các ông đã biết, tôi đã được lựa chọn, không từ cái tập quán lựa chọn bắt thăm từ chiếc Lư Vàng, mà tôi đã được lựa chọn dựa trên những lời tiên tri và tiên đoán. Theo đúng như những lời tiên tri và tiên đoán mà tôi đã được tuyên nhận là tái sinh của Đạt Lai Lạt Ma và đã được tấn phong.”

Khi bản thân tôi được công nhận là hoá thân đời thứ Mười Bốn của Đạt Lai Lạt Ma vào năm 1939 thì liên hệ Đạo Sư và Bảo Hộ giữa Tây Tạng và Trung Hoa đã chấm dứt [trước đó] rồi. Vì vậy cho nên, không có cần phải đặt câu hỏi về nhu cầu sử dụng chiếc Lư Vàng để xác nhận việc tuyên nhận hoá thân của tôi. Điều mà rất nhiều người biết là vị Nhiếp Chính của Tây Tạng vào thời điểm đó cùng với Hội Đồng Quốc Gia Tây Tạng đã tuân theo phương thức tuyên nhận Đạt Lai Lạt Ma dựa trên những tiên đoán của các vị Lama cao trọng, của các vị thầy tiên tri cùng với các linh ảnh hiện ra tại Hồ Lhaomi Latso; và Trung Quốc không có bất kỳ một liên hệ dính líu gì đến việc này. Cho dù là như thế, có một số nhân viên cao cấp có liên hệ trong chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng (Guomintang), đã xảo quyết tung ra những lời nói dối trong giới báo chí nói rằng họ đã đồng ý có những bước đi trước qua việc sử dụng cái Lư Vàng, và nói thêm rằng ông Wu Chung-tsin đã chủ tọa lễ tấn phong của tôi, vân vân. Lời nói dối này đã được vạch trần bởi Ngabo Ngawang Jigme, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Thường Trực của Hội Nghị Quốc Gia Nhân Dân, một người được Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa xem là nhân vật cấp tiến nhất. Điều này đã trở nên rất rõ ràng trong Phiên Họp thứ Nhì của Hội Nghị Toàn Vùng Tự Trị Tây Tạng (ngày 31/07/1989), khi vào cuối bài diễn văn, ông ta đã giải thích chi tiết tường tận và trưng bày cho mọi người xem các văn kiện như là các chứng cứ. Rồi ông ta lên đòi hỏi:

“Có nhu cầu nào để cho Đảng Cộng Sản theo chân và tiếp tục những lời nói dối của Trung Quốc Quốc Dân Đảng không?”

Chánh sách giả dối và hy vọng hảo huyền

Trong thời gian vừa qua, có những trường hợp của những người quản lý vô trách nhiệm, chuyên quản lý gia tài bất động sản giàu có ketch sù của những Lama. Những người này đã ham mê chạy theo những cách thức công nhận tái sanh một cách bất chính và điều này đã làm hại đến thanh danh của Giáo pháp, của cộng đồng tu sĩ cũng như của xã hội của chúng ta. Thêm vào đó, từ thời Mãn châu đến nay, các giới chính trị có thế lực của Trung Hoa thường xuyên tham dự trong các phương tiện đầy xảo trá, sử dụng Phật giáo, các vị thầy của Đạo Phật cũng như các vị hoá thân Tulku như là các công cụ để hoàn thành các tham vọng chính trị của họ, qua việc họ can thiệp vào các vấn đề của Tây Tạng và Mông Cổ. Ngày nay, những nhà lãnh đạo độc đoán của Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, là những người cộng sản chối bỏ tôn giáo nhưng lại vẫn tham dự vào các vấn đề tôn giáo, họ đã áp đặt cái gọi là chiến dịch giáo dục cải tạo, và tuyên bố về cái gọi là Trật Tự Thứ Năm, liên quan đến việc kiểm chế và công nhận các vị tái sanh, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng Chín, năm 2007. Điều này thật là một sự xúc phạm và đáng bị hổ. Việc bắt ép tuân theo những cách thức không thích đáng khác nhau để công nhận các tái sanh [với mục đích] xóa sạch truyền thống đặc thù của văn hoá Tây Tạng hiện đang tạo ra những thiệt hại rất khó chữa lành.

Thêm vào đó họ nói là họ đang chờ tôi chết đi và rồi họ sẽ tuyên nhận Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Lăm theo sự lựa chọn của họ. Điều này thật rõ ràng, là qua các quy luật, điều luật mới đây, cũng như qua các tuyên ngôn của họ tiếp theo sau đó, họ có một chánh sách rất chi tiết để lừa gạt người Tây Tạng, cùng lừa gạt những môn đồ của truyền thống Phật Giáo Tây Tạng và cộng đồng thế giới. Do đó, bởi vì tôi có trọng trách phải bảo vệ Giáo pháp và chúng sinh, và ngăn chặn các âm mưu nguy hại ấy, nên tôi phải đưa ra lời công bố sau đây.

Tái sinh kế tiếp của Đạt Lai Lạt Ma

Như tôi đã có nhắc đến trước đây, tái sinh là một hiện tượng chỉ nên xảy ra, hoặc là qua sự tình nguyện lựa chọn của cá nhân có liên hệ, hoặc ít nhất là cũng qua sức mạnh của nghiệp duyên, phước báu và sự cầu nguyện. Bởi thế cho nên, cá nhân người tái sinh có toàn quyền quyết định là muốn tái sinh ở đâu, tái sinh bằng cách nào và qua hình thức nào mà vị tái sinh sẽ được tuyên nhận. Đây là một thực tại không ai có thể ép buộc, hoặc sử dụng mách khéo để thao tác. Điều này đặc biệt lại càng không đúng đắn nếu những người cộng sản Trung Quốc, là những người dứt khoát chối bỏ ngay chính cái ý niệm về kiếp trước kiếp sau chứ đừng nói chi đến khái niệm về những vị Tulku tái sinh, bây giờ lại muốn can thiệp vào hệ thống [tuyên nhận] tái sinh, và nhất là tái sinh của các vị Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma. Điều này đi ngược lại với hệ tư tưởng chính trị của họ và mở ra cho ta thấy là họ có hai bộ mặt. Nếu tình trạng như thế này tiếp diễn trong tương lai, thì không thể nào người dân Tây Tạng và những ai đang đi theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng có thể công nhận hay chấp nhận được.

Khi tôi vào khoảng chín mươi tuổi, tôi sẽ tham vấn với những vị Lama cao trọng thuộc các truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, cùng với cộng đồng Tây Tạng và những người có liên hệ đang noi theo Phật Giáo Tây Tạng. [Vào lúc đó] tôi sẽ thẩm định lại về cơ chế Đạt Lai Lạt Ma xem có nên tiếp tục hay không. Dựa trên căn bản đó, chúng ta có thể đi đến một quyết định. Nếu [vào lúc đó] có quyết định là tái sinh của Đạt Lai Lạt Ma cần phải tiếp tục và có nhu cầu để Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Mười Lăm được tuyên nhận thì trọng trách của việc tuyên nhận hoá thân phần lớn sẽ nằm trong tay của những nhân viên có liên hệ [được uỷ quyền], thuộc cơ quan Gaden Phodrang Trust của Đạt Lai Lạt Ma. Những vị này cần phải tham vấn với các vị thủ ngời giữ các truyền thống tu tập khác nhau trong Phật Giáo Tây Tạng, cùng tham vấn với những vị Hộ Pháp tín cẩn, là những vị đã được nối kết chặt chẽ không phân lìa và đã tuyên thệ [trung thành] với dòng truyền thừa của các vị Đạt Lai Lạt Ma. Những nhân viên [được uỷ thác này] cần phải nhận lấy những lời khuyên và hướng dẫn từ các vị có liên hệ và thi hành phương thức tìm kiếm và tuyên nhận dựa theo truyền thống trong quá khứ. Tôi sẽ để lại những lời hướng dẫn rõ ràng minh bạch về việc này. Hãy ghi khắc trong tâm khảm rằng, ngoại trừ vị tái sinh được tuyên nhận xuyên qua những phương cách chính thống như thế, thì không thể công nhận hay chấp thuận một ứng viên nào được lựa chọn từ những lý do chính trị, bởi bất kỳ ai, kể cả bởi những người thuộc Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa.

Đạt Lai Lạt Ma

Dharamsala

*Bản Việt ngữ (dịch tạm) được Konchog Jimpa Lhamo chuyển dịch từ bản Anh ngữ vào ngày 26/09/2011.
Bản Anh ngữ được chuyển dịch từ bản Tạng ngữ và được đăng tải trên trang nhà chính thức của đức Đạt Lai Lạt Ma: www.dalailama.com.*